

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2022/HS-ST
Ngày 17 - 3 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thái Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Hoàng

Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Nam - kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Văn K, sinh năm 1983 tại PH, Hậu Giang; nơi cư trú: ấp 3, xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lê Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị T (chết); có vợ (đã ly hôn) và 01 người con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/11/2021 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Nguyễn Tuyết N - sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ 1 – sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang

2. NLQ 2 – sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang

3. NLQ 3 – sinh năm 1951 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang

4. NLQ 4 – sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang

5. NLQ 5 – sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang

6. NLQ 6 - sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang

7. NLQ 7 – sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang

8. NLQ 8 – sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang

9. NLQ 9 – sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 07/11/2021, Lê Văn K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Nouvo 3 biển kiểm soát 54Y-2858, chở chị Nguyễn Tuyết N đến phòng trọ số 30, nhà trọ Miền Tây. Khi đến phòng trọ K đậu xe trước cửa, chị N và K vào phòng trọ, chị N để 01 cái bóp da nữ màu đen, bên trong bóp có tài sản gồm: Tiền Việt Nam 18.000.000 đồng; 01 đôi bông tai nữ bằng vàng 15k; 02 điện thoại di động; 01 chứng minh nhân dân và 01 căn cước công dân tên Nguyễn Tuyết N; 01 vỏ tuýp kem che khuyết điểm hiệu Dermacol trên giường rồi vào phòng tắm. Lúc này, K nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của chị N để tiêu xài cá nhân nên K lấy cái bóp da đựng tài sản của chị N rồi đi ra ngoài khoá cửa phòng lại rồi lên xe mô tô 54Y-2858 điều khiển rời khỏi nhà trọ Miền Tây đến nhà của NLQ 4. K cho NLQ 4 số tiền 1.000.000 đồng, cho NLQ 1 là vợ của NLQ 4 01 cái bóp da bên trong có 01 vỏ tuýp kem che khuyết điểm hiệu Dermacol, 01 điện thoại di động hiệu Oppo Nex7 màu đen, 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Tuyết N và số tiền 2.000.000 đồng. Đến sáng ngày 08/11/2021, K trả nợ cho NLQ 3 là cha ruột của NLQ 4 số tiền 3.000.000 đồng, trả tiền xong K nhờ NLQ 3 đi cầm giúp K đôi bông tai trộm được, NLQ 3 đồng ý và đem đôi bông tai đến tiệm vàng B cầm với số tiền 1.600.000 đồng, NLQ 3 nhận tiền rồi đem về giao lại cho K, sau đó K cho NLQ 9 là con NLQ 3 mượn số tiền 1.500.000 đồng. K đưa NLQ 2 số tiền 4.400.000 đồng để nhờ NLQ 2 chuộc xe mô tô K đã cầm trước đó và cho NLQ 2 mượn số tiền 1.000.000 đồng. K trả nợ cho NLQ 6 số tiền 2.000.000 đồng cho NLQ 5 là em ruột NLQ 2 mượn số tiền 700.000 đồng, K tiêu xài cá nhân hết số tiền 3.400.000 đồng. Đến 19 giờ 40 phút ngày 08/11/2021 khi cơ quan điều tra mời lên làm việc K đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và bị thu giữ 600.000 đồng cùng một điện thoại di động hiệu Oppo A74 màu xanh.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS số 11/11/2021 của

Hội đồng định giá tài sản huyện PH kết luận giá trị tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Oppo A74 có giá trị là 4.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo Nex7 có giá trị là 1.200.000 đồng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Nouvo 3 biển kiểm soát 54Y-2858 có giá trị là 2.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS số 04/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện PH kết luận giá trị tài sản là 01 đôi bông tai vàng 15k, trọng lượng 6 phân 03 ly 6 có giá trị là 2.194.200 đồng.

Đối với 01 cái bóp da nữ màu đen chị N đã sử dụng lâu, 01 vỏ tuýp kem che khuyết điểm hiệu Dermacol là do chị N xin của bạn, các tài sản trên không còn giá trị sử dụng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà Lê Văn K đã chiếm đoạt là 25.394.200 đồng (gồm có số tiền 18.000.000 đồng, 02 điện thoại di động và 01 đôi bông tai).

Tại Bản cáo trạng số 04/CT-VKS-VPH ngày 19/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện PH đã truy tố bị cáo Lê Văn K về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án tù 09 đến 12 tháng tù.

Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường thêm cho bị hại số tiền 12.194.200 đồng.

Xử lý vật chứng: Trả cho bị cáo 01 xe mô tô, 1 giấy chứng minh nhân dân và 01 điện thoại di động. Các tài sản còn lại trả cho bị hại.

Ý kiến của bị cáo tại phiên toà: bị cáo thống nhất với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình.

Ý kiến của bị hại: Bị hại thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: NLQ 1 không thống nhất trả lại cho bị cáo số tiền đã nhận. NLQ 4, NLQ 5 đồng ý trả cho bị cáo số tiền đã nộp để bị cáo bồi thường cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Cơ quan điều tra, kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện PH trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Cơ quan điều tra, kiểm sát viên, Viện kiểm sát thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lê Văn K người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Vào khoảng 15 giờ, ngày 07/11/2021. Lợi dụng lúc bị hại Nguyễn Tuyết N sơ hở trong việc quản lý tài sản nên bị cáo đã có hành vi lấy trộm tài sản của bị hại rồi bỏ trốn để tiêu sài cá nhân. Tài sản trộm được gồm có tiền Việt Nam 18.000.000 đồng, 01 đôi bông tai nữ, loại vàng 15k, 02 điện thoại di động và nhiều vật dụng cá nhân khác. Kết luận định giá tài sản xác định giá trị tài sản gồm 01 đôi bông tai nữ, loại vàng 15k, 02 điện thoại di động là 7.394.200 đồng, các vật dụng cá nhân khác không còn giá trị sử dụng nên không xác định giá trị. Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại cùng thống nhất xác định 01 mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe nouvo 3, biển số kiểm soát 54Y-2858 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo A74 là tài sản riêng của bị cáo, do bị cáo bỏ tiền ra mua. Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp được xác định là 21.394.200 đồng. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người,

đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo biết rõ tài sản bị trộm cắp là người bị cáo đang sống chung như vợ chồng nhưng bị cáo lại lợi dụng mối quan hệ đó để thực hiện hành vi phạm tội nên hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến các giá trị về đạo đức chung trong xã hội. Do vậy, cần thiết phải có mức hình phạt tương xứng nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[4.2] Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên toà bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Cần áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

[5.1] Xét thấy, đối với số tiền 18.000.000 đồng bị cáo đã sử dụng nên cần buộc bị cáo trả lại cho bị hại. Đối với 01 đôi bông tai bằng vàng có giá trị định giá là 2.194.200 đồng không truy thu được nên cần buộc bị cáo bồi thường bằng giá trị. Do vậy, số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 20.194.200 đồng. Được trừ vào số tiền bị cáo bị thu giữ và số tiền những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ 2, NLQ 3, NLQ 6, NLQ 4 đã nộp lại cho bị cáo là 7.600.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 12.594.200 đồng. Tại phiên toà, bị cáo và bị hại tự nguyện thống nhất số tiền này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5.2] Đối với các tài sản còn lại đã thu giữ được nên trả cho bị hại và không buộc bị cáo phải bồi thường đối với các tài sản này.

[5.3] Đối với số tiền do phạm tội mà có nhưng bị cáo đã chuyển giao cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa hoàn trả đầy đủ trong vụ án này thì bị cáo có quyền yêu cầu những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải hoàn trả cho bị cáo phần còn thiếu theo quy định của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe nouvo 3, biển số kiểm soát 54Y-2858 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo A74. Bị hại xác định tài sản này do bị cáo mua và bị hại đồng ý trả cho bị cáo. Do vậy, cần trả lại tài sản này cho bị cáo, đồng thời trả cho bị cáo 01 giấy chứng minh nhân dân tên Lê Văn K.

[6.2] Đối với số tiền Việt Nam 7.600.000 đồng và các tài sản khác trả cho bị hại.

[7] Nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn K phạm tội trộm cắp tài sản

Xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 08/11/2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để bảo đảm

thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự

Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lê Văn K phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Tuyết N số tiền 12.594.200 (mười hai triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn hai trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả cho bị hại Nguyễn Tuyết N: Tiền Việt Nam 7.600.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo Nex7 màu đen; 01 vỏ tuýp kem che khuyết điểm hiệu Dermacol; 01 cái bóp da nữ màu đen.

Trả cho bị cáo 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Nouvo 3 biển số kiểm soát 54Y-2858; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A74 màu xanh; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Lê Văn K.

(Theo quyết định chuyển vật chứng số 04/QĐ-VKS-HPH ngày 19/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện PH).

4. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo phải nộp 629.710 đồng (sáu trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm mười đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H PH;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Bị cáo, bị hại, đương sự;
- CQĐT CA H PH;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Sở tư pháp;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thái Thơ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trịnh Xuân Hoàng

Nguyễn Thị Hồng Loan

Hà Thái Thơ